

Số: *9438*/BC-BNN-VP

Hà Nội, ngày *05* tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Công tác tháng 11 và nhiệm vụ công tác tháng 12 năm 2018

Trong tháng 11, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, liên tiếp xảy ra 3 cơn bão và áp thấp nhiệt đới tại khu vực Nam Trung Bộ và Đông Nam gây mưa lũ, sạt lở đất và ngập úng tại một số tỉnh, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân. Trước tình hình đó, Bộ phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và địa phương khẩn trương triển khai các giải pháp khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất; đồng thời, tiếp tục chỉ đạo thực hiện quyết liệt Quyết định số 52/QĐ-BNN-KH ngày 08/01/2018 về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và phương án tăng trưởng của ngành năm 2018, một số kết quả cụ thể như sau:

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ

Trong tháng 11, tập trung chỉ đạo chăm sóc, thu hoạch lúa mùa, lúa thu đông, chăm sóc cây rau màu, cây ăn quả và cây công nghiệp; chỉ đạo gieo trồng cây vụ đông tại các tỉnh phía Bắc, lúa đông xuân tại các tỉnh phía Nam. Tập trung chỉ đạo các biện pháp ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm vào Việt Nam, ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với dịch bệnh. Phối hợp với các địa phương, các đơn vị có liên quan tăng cường chỉ đạo triển khai công tác kiểm soát chất lượng và giá cả vật tư, sản phẩm chăn nuôi, nhất là chất cám, lạm dụng kháng sinh, hóa chất công nghiệp, giá TACN, thuốc thú y; chỉ đạo việc phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi vụ Đông Xuân 2018-2019 ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ.

Chỉ đạo các tỉnh tăng cường sản xuất cá tra, tôm nước lợ các tháng cuối năm, tăng cường chỉ đạo công tác phát triển nuôi biển; tiếp tục hướng dẫn triển khai Nghị định 67; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về chống khai thác IUU.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư; chỉ đạo thực hiện kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng năm 2018 và xây dựng kế hoạch phát triển Lâm nghiệp năm 2019. Chỉ đạo triển khai công tác PCCCR mùa khô 2018 - 2019. Xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2019 của ngành Lâm nghiệp. Xây dựng kế hoạch thực hiện sau khi ký Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU.

Theo dõi, cập nhật diễn biến lũ vùng ĐBSCL, tình hình đê bao, bờ bao, tác động của lũ đến tình hình sản xuất trong khu vực để chủ động phục vụ sản xuất. Tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ thiệt hại thiên tai trong thời gian vừa qua tại 8 tỉnh (Yên Bái, Sơn La, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị).

Tiếp tục triển khai Chương trình giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nhuyễn thể hai mảnh vỏ; chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong thủy sản nuôi; tiếp tục đôn đốc hỗ trợ các tỉnh/thành phố triển khai Đề án "Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên phạm vi toàn quốc".

Hoàn thành Báo cáo tiến độ đề án thí điểm, hoàn thiện nhân rộng HTX kiểu mới tại vùng ĐBSCL, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch phát triển HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hoàn thành việc giải trình bổ sung phương án phân bổ kế hoạch vốn năm 2019 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Ban hành hướng dẫn nội dung thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới.

Hoàn thiện Kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực chế biến nông sản theo hướng nâng cao năng lực chế biến gắn với phát triển thị trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Xây dựng và hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí dự án nông nghiệp công nghệ cao. Chuẩn bị nội dung và tham dự kỳ họp lần 36 UBLCP Việt Nam – Cuba, Kỳ họp ủy ban hỗn hợp lần thứ 8 Việt Nam – Hungary, Kỳ họp lần thứ 21 UBLCP Việt-Nga, Kỳ họp Ủy ban hỗn hợp Việt Nam – Italia lần thứ 5.

Tổ chức các Hội nghị: Sơ kết sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2018, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2018-2019 các tỉnh phía Bắc; Hội nghị phát triển ngành nghề nông thôn các tỉnh khu vực phía Nam, đồng thời tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị phát triển ngành nghề nông thôn các tỉnh khu vực phía Bắc; Hội nghị phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm thực hành lĩnh vực chế biến NLTS; Hội thảo toàn quốc về "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới"; Hội nghị "Bàn giải pháp và định hướng bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg"; Hội nghị "Tổng kết vụ cá Nam năm 2018 và triển khai vụ cá Bắc năm 2018-2019"; Hội nghị triển khai và diễn tập thực hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÁNG 11/2018

1. Kết quả sản xuất, kinh doanh

1.1. Trồng trọt

a) **Gieo trồng lúa:** Tính đến hết tháng 11, cả nước đã **gieo cấy được 7,96 triệu ha lúa**, tương đương so với cùng kỳ; **thu hoạch được 6,8 triệu ha**. Năng suất bình quân ước đạt 58,8 tạ/ha, tăng khoảng 1,3 tạ/ha, sản lượng lúa **ước đạt trên 40 triệu tấn, tăng 1,3 triệu tấn** so với cùng kỳ năm 2017.

b) **Gieo trồng các loại rau, màu¹:** Tính đến giữa tháng 11, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 1,043 triệu ha ngô, bằng 95% cùng kỳ năm trước; 125 nghìn ha khoai lang, bằng 103,3%; 189,7 nghìn ha lạc, bằng 97%; 58,5 nghìn ha đậu tương, bằng 86%; 1,14 triệu ha rau, đậu, bằng 105%.

¹ Tính đến giữa tháng 11, các địa phương phía Bắc đã gieo trồng được 107,6 ha ngô, bằng 98% cùng kỳ năm trước; 19,8 ha khoai lang, bằng 95,9 %; 4,8 ha lạc, bằng 97,2%; 7,4 ha đậu tương, bằng 124,1%; 92,8 ha rau, đậu, bằng 3%.

c) Tình hình dịch bệnh: Trong tháng, sâu bệnh hại lúa được kiểm soát, diện tích bị nhiễm các loại sinh vật gây hại nhìn chung giảm so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Chăn nuôi

Trong tháng 11, thị trường tiêu thụ và giá các sản phẩm thịt gia cầm tiếp tục ổn định, người chăn nuôi yên tâm đầu tư, mở rộng quy mô đàn. Một số trang trại nuôi gà thịt đã kết nối được các doanh nghiệp tiêu thụ, tạo thành chuỗi khép kín từ trang trại đến bàn ăn, góp phần thúc đẩy hoạt động chăn nuôi phát triển. Giá thịt lợn hơi cả nước trong tháng 11 có giảm nhẹ so với thời gian trước nhưng nhìn chung vẫn ở mức cao, trên 50.000 đ/kg. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ước tính đến tháng 11, tổng đàn lợn cả nước tăng khoảng 2,8%; đàn bò tăng 2,2%; đàn gia cầm tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2017; riêng đàn trâu giảm 1,0%.

Tình hình dịch bệnh: Tính đến ngày 20/11/2018 cả nước có tỉnh Phú Yên và Nghệ An đang có dịch cúm gia cầm; tỉnh Quảng Trị đang có dịch lở mồm long móng; hiện nay, cả nước không có dịch lợn tai xanh. Tại Trung Quốc, dịch tả lợn châu Phi tiếp tục diễn biến phức tạp khi dịch bệnh đã lây lan đến phía Nam, gần biên giới với các tỉnh Tây Bắc của Việt Nam.

1.3. Lâm nghiệp

Lũy kế đến ngày 20/11, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 202,8 nghìn ha, tăng 4,9% cùng kỳ năm trước (trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 12,8 nghìn ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ; trồng mới rừng sản xuất đạt 190 nghìn ha, tăng 8,7%); rừng trồng được chăm sóc đạt 447,2 nghìn ha, giảm 11,1%; giao khoán bảo vệ rừng đạt 6,38 triệu ha; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 11,6² triệu m³, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2017. Đến nay, cả nước đã thu được 2.818 tỷ đồng tiền dịch vụ môi trường rừng, đạt 121% kế hoạch năm, tăng 70% (1.168 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2017; đã chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018 là 670,8 tỷ đồng.

Trong tháng 11, cả nước đã phát hiện 1.022 vụ vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, giảm 77 vụ so với tháng 11/2017; diện tích rừng bị thiệt hại 26,5 ha (do phá rừng là 24 ha, cháy rừng là 2,5 ha), giảm 65 ha so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng, cả nước đã phát hiện 11.790 vụ vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, giảm 3.697 vụ (-24%) so với cùng kỳ năm ngoái; rừng bị thiệt hại 808 ha, giảm 597 ha (-42%) so với 11 tháng năm 2017.

1.4. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 11 ước đạt 684,4 nghìn tấn, tăng 7,5% so với tháng 11/2017, trong đó sản lượng khai thác ước đạt 290,8 nghìn tấn (+5%), nuôi trồng ước đạt 393,6 nghìn tấn (+9,4%). Lũy kế 11 tháng, sản lượng ước đạt 6,87 triệu tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng khai thác ước đạt 3,18 triệu tấn (+5,3%), nuôi trồng ước đạt 3,68 triệu tấn (+6,9%).

a) Hoạt động khai thác: Sản lượng khai thác thủy sản trong tháng đạt **290,8 nghìn tấn**, tăng 5% so với tháng 11/2017, trong đó: khai thác biển đạt

² Theo TC Lâm nghiệp sản lượng khai thác 11 tháng đầu năm đạt 17 triệu m³

270,8 nghìn tấn, tăng 5,3%; khai thác nội địa đạt 20 nghìn tấn. Lũy kế 11 tháng, sản lượng ước đạt **3,18 triệu tấn**, tăng 5,3% so với 11 tháng 2017, trong đó: khai thác biển đạt 3 triệu tấn, tăng 5,6%; khai thác nội địa đạt 187 nghìn tấn.

b) Nuôi trồng thủy sản: Tháng 11, sản lượng nuôi trồng ước đạt **393,6 nghìn tấn**, tăng 9,4% so với T11/2017, đưa tổng sản lượng nuôi trồng 11 tháng đạt **3,68 triệu tấn**, tăng 6,9% so với cùng kỳ. Tình hình sản xuất một số loài cụ thể như sau:

+ **Cá Tra:** sản lượng nuôi tại các tỉnh ĐBSCL 11 tháng ước đạt 1,29 triệu tấn, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước. Một số tỉnh đạt sản lượng lớn: Đồng Tháp sản lượng đạt 452 nghìn tấn, tăng 3,7%; An Giang đạt 333,2 nghìn tấn, tăng 36%; Bến Tre: đạt 182 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ.+ **Tôm:** Sản lượng cả nước ước đạt 670 nghìn tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tôm sú ước đạt 282,8 nghìn tấn, tôm thẻ chân trắng ước đạt 387,7 nghìn tấn. Riêng ĐBSCL, sản lượng tôm sú ước đạt 240,3 nghìn tấn, tăng 3,0%; tôm thẻ ước đạt 321,8 nghìn tấn, tăng 13,7%.

1.5. Sản xuất muối

Tính đến ngày 20/11, diện tích sản xuất muối ước đạt **13.417 ha** (muối thủ công là 9.103 ha, muối công nghiệp là 4.313 ha); sản lượng ước đạt **952,7 nghìn tấn**, tăng 57,4% so với cùng kỳ năm 2017 (muối thủ công đạt 534,7 nghìn tấn; muối công nghiệp đạt 407,1 nghìn tấn). Lượng muối tồn trong dân và một số doanh nghiệp khoảng 261,2 nghìn tấn. Giá muối cơ bản giữ ổn định, ở Miền Bắc khoảng 1.500 - 2.200 đ/kg; Miền Trung: muối thủ công khoảng 900 - 1.300 đ/kg, muối công nghiệp khoảng 900 - 1.200 đ/kg; Nam Bộ khoảng 1.100 - 1.500 đ/kg.

1.6. Phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm

a) Xuất, nhập khẩu

- **Xuất khẩu:** Tháng 11, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản ước đạt **3,6 tỷ USD**; trong đó, xuất khẩu nông sản chính đạt 1,62 tỷ USD, lâm sản chính ước đạt 982 triệu USD, sản phẩm chăn nuôi ước đạt 50 triệu USD, thủy sản ước đạt 852 triệu USD. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành 11 tháng ước đạt **36,25 tỷ USD, tăng 9,1%** so với cùng kỳ năm 2017, bằng 90,6% kế hoạch năm.

Lũy kế 11 tháng, giá trị xuất khẩu nhóm hàng nông sản chính ước đạt **18,08 tỷ USD, tăng 3,1%** so với cùng kỳ năm 2017. Một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm 2017, cụ thể: Gạo đạt 2,88 tỷ USD (+17,7%), rau quả đạt 3,54 tỷ USD (+11,6%), trong đó rau đạt 555 triệu USD (+23,8%). Cà phê có khối lượng xuất khẩu tăng mạnh (+23,4%) nhưng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ (+3,2%). Các mặt hàng cao su, hồ tiêu, điều tăng về khối lượng nhưng giảm về giá trị; xuất khẩu cao su đạt 1,39 triệu tấn (+15,3%), giá trị ước đạt 1,89 tỷ USD (-5,73%); hồ tiêu đạt 220 nghìn tấn (+8,9%), giá trị ước đạt 718 triệu USD (-32,5%); xuất khẩu điều đạt 342 nghìn tấn (+5,9%), giá trị ước đạt 3,11 tỷ USD (-3,1%). Riêng chè giảm cả khối lượng và giá trị xuất khẩu (khối lượng: 117 nghìn tấn (-8,7%), giá trị đạt 200 triệu USD (-4,23%)).

Xuất khẩu thủy sản ước đạt **8,09 tỷ USD, tăng 6,8%**, trong đó: cá tra ước đạt 2,1 tỷ USD, tăng 27,4%; tôm các loại ước đạt 3,37 tỷ USD, giảm 4,75%. Xuất khẩu lâm sản chính 11 tháng ước đạt **8,6 tỷ USD, tăng 18%**, trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 8,15 tỷ USD, tăng 17,5%; sản phẩm mây, tre, cói ước đạt 313 triệu USD, tăng 27,5%. Xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 11 tháng ước đạt **508 triệu USD, tăng 13%**.

Như vậy, 11 tháng đầu năm những mặt hàng tăng trưởng giá trị xuất khẩu tốt so với cùng kỳ năm 2017 là gạo (+17,7%), rau quả (+11,6%), gỗ và sản phẩm gỗ (+17,5%), thủy sản (+6,8%), trong đó cá tra (+27,4%).

- **Nhập khẩu:** Giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 11 ước đạt 2,76 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 11 tháng đạt khoảng **28,8 tỷ USD, tăng 13,6%** so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, nhập khẩu các mặt hàng phân bón, thuốc trừ sâu và các nông sản chính ước khoảng 24,6 tỷ USD, tăng 13,3%.

Những mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh trong 11 tháng đầu của năm là ngô (+40,5%), bông các loại (+28,6%), lúa mì (+27,6%), hàng thủy sản (+21,3%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (+19,1%), rau quả (+11,5%).

- **Thặng dư thương mại:** Ước đạt 7,45 tỷ USD, tương đương so với 11 tháng đầu năm 2017.

b) Thị trường trong nước

- **Lúa gạo:** Giá lúa gạo khu vực ĐBSCL tăng nhẹ so với tháng trước³. Dự báo tháng cuối năm, xuất khẩu gạo vẫn giữ đà tăng trưởng tốt do nhu cầu nhập khẩu gạo của Indonexia và Philippin tăng.

- **Cà phê:** giá cà phê trong nước tháng 11 biến động giảm theo xu hướng thị trường thế giới. So với tháng trước, cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 700 – 900 đ/kg hiện ở mức 34.600 – 35.200 đ/kg.

- **Cao su:** giá cao su giảm nhẹ trong tháng 11/2018. Tại Bình Phước, giá mủ cao su dạng nước ở mức 230 đồng/độ; còn tại Đồng Nai, mủ cao su dạng nước vẫn duy trì ở mức 12.000 đ/kg.

- **Hồ tiêu:** Giá trong nước giảm từ 3.000 – 5.000 đ/kg hiện ở mức 55.000 – 57.000 đ/kg. Giá tiêu tăng do nhu cầu cung ứng hàng cho xuất khẩu.

- **Điều:** Giá không biến động trong tháng 10. Giá điều khô tại Bình Phước ở mức 40.000 đ/kg, tại Đồng Nai ở mức 46.000 đ/kg. Giá điều nhân duy trì ở mức 295.000 đ/kg đối với loại W240 và 285.000 đ/kg loại W320. Dự báo giá điều những tháng cuối năm có thể tăng do nhu cầu tăng vào dịp cuối năm.

- **Thủy sản:** Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng có dấu hiệu giảm nhiệt sau khi liên tục ở mức giá cao trong hơn 1 tháng. Mức giá trung bình hiện trong khoảng 32.000 - 33.000đ/kg⁴ (đối với cá loại I) giảm khoảng 3.000 đ/kg so với tháng trước; giá cá tra có sự điều chỉnh do nguồn cung được cải thiện

³ An Giang, lúa IR50404 tăng 200 đ/kg, từ 5.500 đ/kg lên 5.700 đ/kg; lúa chất lượng cao OM 5451 ổn định ở mức 5.700 đ/kg, gạo tẻ IR50404 ở mức 10.000 đ/kg; gạo chất lượng cao tăng 500 đ/kg lên mức 13.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 tăng 100 đ/kg lên mức 5.400 đ/kg; lúa khô IR50404 ở mức 5.900 đ/kg; gạo IR50404 tăng 2.000 đ/kg lên mức 12.000 đ/kg; gạo jasmine tăng 2.000 đ/kg lên mức 14.000 đ/kg.

⁴ Trong tháng 10 giá cá tra giao động ở mức 35.000-36.000 đ/kg (mức giá cao nhất trong 10 năm qua)

bên cạnh đó, nhu cầu nguyên liệu của các doanh nghiệp cũng đang chững lại bởi nhiều doanh nghiệp đã thu mua đủ hàng phục vụ xuất khẩu cho các dịp lễ cuối năm.

Thị trường tôm nguyên liệu trong tháng 11 có xu hướng giảm nhẹ đối với tôm sú ướp đá và tăng nhẹ với tôm thẻ chân trắng. Tại các tỉnh ĐBSCL tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 20-40 con/kg dao động 135.000-210.000 đ/kg, giảm 10.000 – 30.000 đ/kg so với tháng trước. Giá tôm thẻ ướp đá cỡ 50 con/kg ở mức 120.000-125.000 đ/kg. Dự báo giá tôm nguyên liệu từ nay đến cuối năm không có biến động mạnh do phần lớn các doanh nghiệp đã thu mua đủ hàng cho các hợp đồng giao trong tháng 12, trong khi các hợp đồng cho năm 2019 được ký kết vẫn chưa nhiều.

- **Thịt:** giá lợn hơi giao động ở mức 46.000 – 50.000 đ/kg, giảm từ 2.000 - 3.000 đ/kg. Giá thịt lợn hơi bắt đầu giảm do nguồn cung đang dần ổn định.

- **Rau, quả:** Tháng 11/2018 là thời điểm thu hoạch nhiều loại trái cây có múi như cam, bưởi, quýt tại nhiều tỉnh trên cả nước. Bên cạnh đó, với điều kiện thời tiết năm nay tương đối thuận lợi, sản lượng loại trái cây có múi đều tăng so với năm trước nên giá bán các loại quả này đang giảm so với tháng trước. Tại khu vực ĐBSCL, giá bưởi da xanh giảm mạnh, bưởi loại 1 thu mua tại vườn có giá 32.000 - 35.000 đ/kg. Giá cam sành cũng liên tục sụt giảm ở mức 3.000 - 4.000 đ/kg. Thị trường rau củ trong tháng tương đối ổn định với điều kiện thời tiết thuận lợi trong khi nhu cầu không có sự tăng đột biến. Cụ thể, tại Đà Lạt, giá bắp cải trắng vẫn ở mức giá 4.000đ/kg, cà chua 8.000đ/kg, hoa lơ xanh 12.000đ/kg.

2. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai

Trong tháng, Bộ đã tổ chức trực ban theo dõi chặt chẽ 24/24 diễn biến các cơn bão số 8 và số 9, có công điện gửi các Bộ, ngành và địa phương đề nghị tập trung chỉ đạo chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại do bão và mưa lũ gây ra; tổ chức cuộc họp trực tuyến với các tỉnh từ Quảng Nam đến TP Hồ Chí Minh và các Bộ ngành để chỉ đạo công tác ứng phó với ATNĐ; Bộ cũng đã tổ chức đoàn công tác đi Khánh Hòa để nắm bắt tình hình và ứng phó với diễn biến thiên tai;

Trong tháng 11, nước ta đã đón 03 đợt không khí lạnh, cùng với đó là 03 cơn bão trên biển Đông. Hoàn lưu bão số 8 đã gây ra mưa lũ, sạt lở đất tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận làm 19 người chết. Tính từ đầu năm đến nay, thiên tai đã làm 201 người chết và mất tích, 159 người bị thương; 1.781 nhà bị đổ, sập và 30.437 nhà bị hư hại, tốc mái, di dời khẩn cấp và 53.077 nhà bị ngập nước; 220.431 ha lúa và hoa màu bị đổ dập; 30.666 ha cây công nghiệp và cây ăn quả bị thiệt hại, gãy đổ; 27.156 con gia súc và 467.780 con gia cầm bị chết; 11.244 ha thủy sản bị ngập, mất; 345 km đê, kè, kênh mương và bờ bao bị sạt trượt; hơn 65,6 km bờ sông bờ biển bị sạt lở. **Tổng thiệt hại về kinh tế ước tính trên 15.000 tỷ đồng.**

3. Đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng kế hoạch vốn năm được Thủ tướng Chính phủ giao là 17.152 tỷ đồng, trong đó thuộc kế hoạch vốn năm 2018 là 15.777 tỷ đồng, vốn kế hoạch năm 2017 kéo dài sang năm 2018 là 1.374 tỷ đồng. Mười một tháng, khối lượng

thực hiện vốn đầu tư XDCB ước đạt **8.367 tỷ đồng**, bằng 49% kế hoạch; giải ngân đạt **10.301 tỷ đồng**, tương đương **60,1%** kế hoạch giao

4. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Giải trình bổ sung phương án phân bổ kế hoạch vốn năm 2019 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tổng hợp đề xuất nhu cầu của các địa phương về dự án Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân năm 2019; Xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển HTX trong khuôn khổ Chương trình OCOP; dự thảo chương trình xúc tiến đầu tư năm 2019 lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; Làm việc với công ty Sorimachi của Nhật Bản về hợp tác ứng dụng phần mềm 4.0 cho các HTX nông nghiệp;

Ban hành hướng dẫn nội dung thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới; tiếp tục tổng hợp hướng dẫn của các Bộ, ngành về việc thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu để kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện; Tổ chức họp hội đồng thẩm định trung ương và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, công nhận các huyện Yên Khánh (tỉnh Ninh Bình), huyện Cẩm Giàng (tỉnh Hải Dương), thành phố Nam Định (tỉnh Nam Định) đạt chuẩn nông thôn mới năm;

Phối hợp tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tổ chức thành công các hội nghị: “Đánh giá kết quả xây dựng, nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2017 và sơ kết thực hiện kế hoạch năm 2018” và “Phát triển ngành nghề nông thôn các tỉnh khu vực phía Nam”; các hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chợ an toàn thực phẩm và định hướng kết nối hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại”, hội thảo lấy ý kiến các chuyên gia về nội dung Đề án rà soát hoàn thiện các chính sách di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; tổ chức lớp tập huấn cán bộ trẻ khởi nghiệp hợp tác xã nông nghiệp; lớp tập huấn truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành chương trình nông thôn mới cho các tỉnh.

Tính đến 20/10, cả nước đã có **3.687 xã (41,32%)** đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 90 xã (1,0%) so với cuối tháng 10/2018; bình quân đạt **14,33 tiêu chí/xã**; còn **47 xã dưới 5 tiêu chí**; có **58** đơn vị cấp huyện thuộc 30 tỉnh, thành phố được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Ước tính đến hết tháng 11, có **1.937** HTX nông nghiệp được thành lập mới, 347 HTX giải thể, sát nhập; cả nước đã có **13.278** HTX.

5. Các công tác khác

5.1. Tổ chức cán bộ: Tổng hợp Đề án, phương án về kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế, nâng cao hiệu quả hoạt động ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW; Tổng hợp đánh giá, phân loại công chức lãnh đạo diện Bộ quản lý; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung chức danh lãnh đạo diện Bộ quản lý; ban hành Quyết định bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo diện Bộ quản lý; dự thảo Quyết định sửa đổi

quy định về điều kiện tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Bộ quản lý; tổng hợp báo cáo, xây dựng kế hoạch năm 2019 về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương; Tổ chức thành công Lễ tuyên dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong 5 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và trao giải thưởng Bông lúa vàng và Doanh nghiệp vì nhà nông năm 2018; Xây dựng báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2018 của Bộ gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

5.2. Kế hoạch, tài chính: Phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2019 ngành nông nghiệp; rà soát điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018; thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; điều chỉnh dự toán NSNN năm 2018 và chuẩn bị phương án giao dự toán NSNN năm 2019; Tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt của các đơn.

5.3. Hợp tác quốc tế: chuẩn bị nội dung và tham gia Đoàn công tác tháp tùng Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc dự Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc 2018 (CIIE 2018); Chuẩn bị nội dung và tham dự các kỳ họp Ủy ban liên Chính phủ (Việt Nam - Cuba; Việt - Nga); hoàn tất các thủ tục để Chủ tịch nước phê duyệt Hiệp định Đoàn cá di cư; chuẩn bị các thủ tục để ký kết MOU về kiểm dịch động thực vật với Ukraine, Mexico; Tổ chức Hội nghị toàn thể Chương trình Hỗ trợ quốc tế (ISG) với chủ đề: “*Phát triển Nông nghiệp – Dinh dưỡng bền vững: Hành động của Việt Nam để không còn nạn đói đến năm 2025*”

5.4. Khoa học, công nghệ: Xây dựng Hệ trí thức Việt số hóa ngành nông nghiệp để tham gia “Đề án phát triển Hệ trí thức Việt số hóa”; báo cáo nội dung, kết quả và kế hoạch thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phê duyệt nội dung và kinh phí các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ năm 2019 Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019 của Bộ.

*** ĐÁNH GIÁ CHUNG 11 THÁNG**

- Mười một tháng, các lĩnh vực sản xuất tiếp tục đạt kết quả cao so với cùng kỳ, cơ bản đạt mục tiêu đã đề ra; cụ thể

+ Sản xuất trồng trọt: Sản lượng lúa thu hoạch 11 tháng tăng (khoảng 1,3 triệu tấn) so với cùng kỳ, đạt 92% so với kịch bản tăng trưởng ngành.

+ Chăn nuôi: Bò, gia cầm phát triển (đàn bò tăng 2,2%, gia cầm tăng 5,8%); chăn nuôi lợn phục hồi (đàn lợn đã tăng 2,8% so với cùng kỳ 2017).

+ Lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng tăng 4,9%, sản lượng khai thác gỗ ước đạt 11,6 triệu m³, tăng 10,1% so với cùng kỳ, đạt 90,4% so với kịch bản.

+ Thủy sản: Sản lượng khai thác và nuôi trồng tăng (lần lượt là 5,3% và 6,9%), nâng tổng sản lượng thủy sản lên 6,87 triệu tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ, bằng 91% so với kịch bản.

- Xuất khẩu NLTS 11 tháng tăng 9,1% so với cùng kỳ, đạt 91% so với kịch bản. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực tiếp tục tăng trưởng mạnh: lúa gạo (tăng +17,7%), gỗ và sản phẩm gỗ (+17,5%), rau quả (+11,6%), thủy sản (+6,8%, trong đó cá tra tăng 27,4%).

- Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới được tiếp tục quan tâm đẩy mạnh thực hiện. Đến 22/11, cả nước đã có 41,3% số xã và 58 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành sớm và vượt mục tiêu của năm 2018.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trên, trong tháng 11 hoạt động của ngành vẫn còn một số hạn chế. (1) Mặc dù các đơn vị chức năng của Bộ, các chủ đầu tư, chủ dự án đã có nhiều cố gắng, đổi mới các chỉ đạo, cách làm trong thời gian qua để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công, nhưng thực hiện và giải ngân vốn còn chậm. Do đó, khối lượng thực hiện vốn đầu tư công còn lại của tháng 12 là rất lớn. Các đơn vị cần tập trung quyết liệt chỉ đạo tốt các giải pháp đã đề ra để hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn năm 2018. (2) Kim ngạch xuất khẩu tiếp tục duy trì tốc tăng khá so với cùng kỳ năm 2017 (tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng tăng 9,1%, riêng tháng 11 tăng 16,6%), tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mục tiêu⁵ của tháng đã đề ra. (3) Sản lượng một số cây trồng ước đạt thấp hơn so với kịch bản tăng trưởng đã đề ra: Ngô (ước đạt 96,5% so với kịch bản tăng trưởng ngành), chè (ước đạt 93%).

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 12

1. Dự báo tình hình và khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng của ngành cả năm 2018

Dự báo trong tháng 12 tình hình thời tiết có thể có những bất thuận: các hiện tượng dông lốc, mưa đá, mưa lớn cục bộ có khả năng xảy ra. Tuy nhiên, khả năng sản xuất vẫn duy trì được nhịp độ phát triển khá; xuất khẩu sẽ tăng cao trong tháng 12 và đạt được các mục tiêu tăng trưởng cả năm 2018 mà Bộ đã đề ra, cụ thể:

- **Trồng trọt:** Ước sản lượng lúa cả năm đạt 44 triệu tấn, tăng khoảng 1,13 triệu tấn so với năm 2017; sản lượng các cây công dự báo cũng tăng mạnh so với năm 2017, trong đó tăng mạnh nhất là điều, ước tăng 22%, cà phê nhân tăng 6,5%, hồ tiêu tăng 6,2% và cao su tăng 4,8%. Các cây ăn quả có thị trường và giá trị cao tăng mạnh về sản lượng như: xoài tăng 5,3%, cam tăng 11,3%, bưởi tăng 9,4%

- **Chăn nuôi:** Bò, gia cầm tiếp tục phát triển; chăn nuôi lợn phục hồi; dự báo cả năm sản lượng thịt lợn hơi có thể đạt 3,81 triệu tấn, tăng 2,3% so với năm 2017, sản lượng thịt gia cầm ước đạt 1,09 triệu tấn, tăng 6,3%.

- **Lâm nghiệp:** Sản lượng gỗ khai thác khả năng tăng cao hơn so với 6 tháng đầu năm, do những tháng cuối năm thời tiết thường thuận lợi cho việc khai thác và vận chuyển gỗ, dự kiến sản lượng gỗ khai thác cả năm đạt trên 15 triệu m³, ước tăng từ 20-30% so với cùng kỳ.

- **Thủy sản:** Sản xuất và xuất khẩu cá tra duy trì tốt, ước sản lượng cá tra cả năm đạt 1,42 triệu tấn, bằng 109% kế hoạch, tăng từ 10-11% so với năm 2017; nuôi tôm nước lợ cũng phát triển mạnh do thuận lợi về thời tiết, ước sản lượng tôm thu hoạch cả năm đạt 790 – 800 nghìn tấn đạt 100-101% kế hoạch đề ra, tăng từ 9-10% so với cùng kỳ.

⁵ TH/MT: 3,6/3,72 tỷ USD

- **Về xuất khẩu:** 11 tháng đầu năm đã đạt 36,25 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Dự báo tháng cuối năm, kim ngạch xuất khẩu thường tăng cao do nhu cầu tiêu dùng quốc tế tăng cao trong các dịp lễ cuối năm. Ước kim ngạch xuất khẩu tháng 12 đạt 3,7 – 3,8 tỷ USD, nâng kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt xấp xỉ 40 tỷ USD, vượt kế hoạch Chính phủ giao và cơ bản đạt kế hoạch Bộ đề ra.

- **Về xây dựng nông thôn mới:** Hiện nay, cả nước đã có 41,3% số xã đạt chuẩn NTM, 58 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM. Với tinh thần chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Bộ và các địa phương, nhiều khả năng đến hết năm 2018 cả nước sẽ có 42% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (vượt 2,2% số xã đạt chuẩn NTM đã đề ra).

2. Nhiệm vụ công tác tháng 12

Để thực hiện được các mục tiêu tăng trưởng đã đề ra, toàn ngành cần tập trung triển khai thực hiện toàn diện, hiệu quả Quyết định số 52/QĐ-BNN-KH ngày 08/01/2018 về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 1490/QĐ-BNN-KH ngày 27/4/2018 về kế hoạch hành động thực hiện phương án tăng trưởng của ngành nông nghiệp năm 2018. Theo đó:

- Cần phát huy tối đa các kết quả đạt được trong những tháng đầu năm 2018, không chủ quan, lơ là, tiếp tục tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế của Bộ, ngành những tháng đầu năm; quyết tâm hành động, đổi mới sáng tạo, bám sát thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ được giao; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ và Bộ đề ra.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của ngành năm 2018; tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp thúc đẩy tiêu thụ nông sản, phối hợp với Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, hồ tiêu, cà phê, cao su, điều bàn giải pháp tháo gỡ khó khăn thúc đẩy xuất khẩu.

- Triển khai các biện pháp nhằm đối phó kịp thời với thiên tai, dịch bệnh nhằm bảo vệ sản xuất, tính mạng và tài sản của nhân dân; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm cấp bách để sớm khai thác sử dụng, phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai.

2.1. Trồng trọt

Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, nguồn nước đảm bảo sản xuất lúa được thuận lợi, tránh được ảnh hưởng bất lợi của thời tiết, dịch bệnh;

Rà soát lịch thời vụ và cơ cấu lúa vụ Đông Xuân 2018 – 2019 cho từng vùng sinh thái; hướng dẫn các địa phương rà soát diện tích sản xuất lúa và chuyển đổi cây trồng vụ Đông Xuân năm 2018 – 2019 trong điều kiện khô hạn xảy ra do ảnh hưởng của El Nino; khuyến cáo giảm diện tích gieo sạ để giảm áp lực tưới, tiêu; chỉ đạo sát sao lịch thời vụ, diện tích xuống giống và cơ cấu giống cho từng tiểu vùng để phù hợp với điều kiện nguồn nước, tránh xuống giống vượt quá khả năng cung cấp nước tưới; tập trung xuống giống né rầy theo dự báo rầy nâu di trú và rầy nâu tại chỗ để phòng ngừa bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá;

Tăng cường dự tính, dự báo diễn biến các đối tượng sâu bệnh hại, kịp thời chỉ đạo các giải pháp phòng trừ không để bùng phát trên diện rộng; chỉ đạo hệ thống bảo vệ thực vật bám sát địa bàn, hướng dẫn phòng trừ bệnh hại trên cây trồng hợp lý và hiệu quả;

Đối với các cây công nghiệp dài ngày, cần chỉ đạo mạnh mẽ các biện pháp thâm canh và chuẩn bị các giải pháp phòng chống hạn trong mùa khô; tăng cường đầu tư, áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên bộ vào sản xuất, tưới tiết kiệm nước; đồng thời thực hiện tốt các biện pháp phòng trừ dịch hại, nhất là bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu; bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều;

Đối với các cây ăn quả cần tiếp tục đầu tư thâm canh tăng năng suất và chất lượng; áp dụng các biện pháp kỹ thuật tía canh, tạo tán... và hoàn thiện quy trình kỹ thuật rải vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất;

Tiếp tục tập trung chỉ đạo sản xuất theo hướng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hợp tác liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản xuất sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất và kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; đảm bảo nguồn vật tư chất lượng phục vụ sản xuất.

2.2. Chăn nuôi

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Công điện khẩn số 1194/CD-TTg ngày 12/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung triển khai các biện pháp ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xâm nhiễm vào Việt Nam; Chỉ thị số 8523/CT-BNN-TY ngày 01/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chủ động ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh dịch tả lợn Châu Phi; hướng dẫn các địa phương xây dựng và tổ chức triển khai “Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi” đã được Bộ phê duyệt tại Quyết định số 4527/QĐ-BNN-TY ngày 15/11/2018, ở các cấp; tổ chức diễn tập Kế hoạch hành động;

Tiếp tục tăng cường phối hợp trong công tác chống buôn lậu lợn và các sản phẩm của lợn từ nước ngoài vào Việt Nam; không cho phép buôn bán, vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn bất hợp pháp, không rõ nguồn gốc qua biên giới; phát hiện và kiên quyết xử lý tình trạng buôn lậu lợn, sản phẩm của lợn theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức giám sát chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm dịch động vật;

Đôn đốc, chỉ đạo các địa phương chủ động trong công tác phòng, chống cúm gia cầm, dịch bệnh lở mồm long móng; giám sát chặt địa bàn để phát hiện và xử lý kịp thời ổ dịch; chủ động triển khai giám sát dịch bệnh để phát hiện sớm, cảnh báo và thực hiện các biện pháp ứng phó kịp thời khi phát hiện có dịch bệnh hoặc có mẫu giám sát cho kết quả dương tính với các chủng vi; hướng dẫn các địa phương chủ động phương án phòng, chống rét đậm rét hại cho vật nuôi ở khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc;

Tiếp tục theo dõi, bám sát cung, cầu sản phẩm chăn nuôi, đặc biệt là thị trường thịt lợn trong nước và các nước láng giềng; chỉ đạo sát phương án sản xuất kinh doanh bảo đảm đủ nguồn cung cho nhu cầu trong nước từ nay đến cuối

năm và cho xuất khẩu; khích lệ các tổ chức, doanh nghiệp trong chuỗi giá trị tham gia tích cực các giải pháp nhằm bình ổn giá sản phẩm chăn nuôi để phát triển chăn nuôi bền vững và góp phần làm giảm lạm phát theo chỉ đạo của Chính phủ;

Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp chế biến để phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng chuỗi liên kết sản xuất cung ứng thực phẩm sạch cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu thịt lợn, gia cầm; kiểm soát giá đảm bảo hài hoà lợi ích cho các thành phần tham gia chuỗi giá trị chăn nuôi; tăng cường giám sát quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi, kiểm soát việc sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất công nghiệp trong chế biến TACN.

2.3. Thủy sản

Phân đầu tổng sản lượng thủy sản tháng 12 đạt khoảng 692 nghìn tấn, lũy kế cả năm đạt khoảng 7,56 triệu tấn, hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2018, xuất khẩu thủy sản tháng 12 đạt tối thiểu 1,9 tỷ USD;

Tiếp tục tập trung chỉ đạo sản xuất, đặc biệt với tôm, cá tra nhằm tận dụng cơ hội thị trường và thực hiện thắng lợi các mục tiêu tăng trưởng ngành, tránh bị thiếu hụt nguyên liệu vào các tháng cuối năm 2018 và đầu năm 2019;

Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh để có biện pháp xử lý kịp thời, không để xảy ra dịch bệnh; thực hiện tốt công tác quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi, khuyến cáo kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết, phòng tránh khi môi trường không thuận lợi; Kiểm tra chất lượng giống thủy sản, tập trung vào đối tượng tôm tại các tỉnh ĐBSCL và 3 tỉnh miền Trung;

Tiếp tục triển khai thực hiện các khuyến nghị của đoàn thanh tra của Ủy ban Châu Âu (EC) về chống đánh bắt bất hợp pháp; hoàn thiện và gửi Báo cáo tình hình triển khai khuyến nghị cho EC; Tiếp tục tổ chức đoàn kiểm tra tình hình thu hồi, điều chuyển, lắp đặt thiết bị Movimar; Tổ chức cuộc họp lần thứ 3 Nhóm công tác chung giữa Việt Nam và Thái Lan về chống khai thác IUU; Hoàn thiện và trình ban hành Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Tổ chức tập huấn cho các tỉnh Nam bộ về triển khai khuyến nghị của EC; tiếp tục dịch các văn bản hướng dẫn triển khai Luật Thủy sản 2017.

Hoàn thiện trình Chính phủ Báo cáo gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 459/NQ-UBTVQH14 ngày 12/12/2017 về tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh; Hoàn thiện dự thảo chiến lược nuôi biển, tham mưu Bộ, trình Thủ tướng ban hành Chiến lược phát triển nuôi biển đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

2.4. Lâm nghiệp

Phối hợp với các địa phương đẩy nhanh tiến độ trồng rừng mới tập trung, phân đầu sản lượng gỗ khai thác tháng 12 khoảng 1,23 triệu m³, lũy kế cả năm đạt 12,8 triệu m³, đạt mục tiêu năm 2018;

Tiếp tục triển khai hiện Chi thị số 13 - CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương thường trực bảo vệ rừng, PCCCR, ngăn chặn tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật nhất là tại các điểm nóng, vùng trọng điểm; Chỉ đạo thực hiện hoàn thành Kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng năm 2018 đối với các tỉnh đang trong thời vụ trồng rừng;

Chỉ đạo các địa phương thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ tăng cường kiểm tra, rà soát phương án phòng cháy, chữa cháy rừng ở các cấp và chủ rừng; chủ động kiểm soát tình hình, kịp thời khống chế nhanh nhất các trường hợp cháy rừng xảy ra, kiên quyết không để xảy ra cháy rừng và cháy lớn;

Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát và đôn đốc công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong các thời kỳ cao điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao; tổ chức trực ban 24/24, bố trí lực lượng canh phòng ở những khu rừng trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao;

Hoàn thiện Đề án “Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên”; xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung cho Lễ phát động Tết trồng cây của Chủ tịch nước Xuân Kỷ Hợi.

2.5. Thủy lợi, phòng chống thiên tai

Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, nguồn nước, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn kịp thời cảnh báo cho các địa phương và cơ quan liên quan; hướng dẫn thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh; chủ động đề xuất chuẩn bị tổ chức Hội nghị triển khai công tác phòng, chống khô hạn đối với khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên;

Tổ chức giám sát, dự báo xâm nhập mặn, nguồn nước, ô nhiễm môi trường nước trong công trình thủy lợi, xây dựng kế hoạch sử dụng nước hợp lý cho các lưu vực sông, khu vực có nguồn nước liên quan đến nhiều địa phương hoặc khan hiếm nguồn nước, có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước cao; thường xuyên cung cấp thông tin cho các địa phương để bố trí, điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh;

Chủ động tích nước, vận hành các hồ chứa phù hợp, đảm bảo nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp nước dân sinh, đồng thời phải đảm bảo an toàn tuyệt đối đập, hồ chứa nước; thường xuyên kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, thực hiện tiết kiệm nước ngay từ đầu mùa khô, có kế hoạch phân phối nước hợp lý để đảm bảo cung cấp đầy đủ cho các nhu cầu thiết yếu (sinh hoạt, chăn nuôi, cây trồng lâu năm...) và sản xuất nông nghiệp cho cả mùa khô năm 2018 – 2019;

Phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các cơ quan liên quan tổ chức điều hành việc điều tiết nước các hồ chứa thủy điện phục vụ gieo cấy Vụ Đông Xuân ở khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ, các hồ chứa thủy điện ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; tiếp tục đôn đốc các địa phương sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, tăng cường thực hiện nạo vét các cửa lấy nước, hệ thống

kênh mương góp phần đẩy nhanh tiến độ lấy nước và tận dụng tối đa nguồn nước bổ sung từ các hồ chứa thủy điện

Phối hợp với các cơ quan truyền thông thường xuyên phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng các thông tin liên quan đến tình hình nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và các chuyên đề hướng dẫn phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

2.6. Chế biến và phát triển thị trường

Phần đầu kim ngạch xuất khẩu toàn ngành tháng 12 đạt khoảng 3,74 - 3,8 tỷ USD, đưa kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt khoảng 40 tỷ USD, hoàn thành mục tiêu cả năm 2018.

Thực hiện các nhiệm vụ của Tổ điều hành thị trường trong nước và Ban chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ; phối hợp với Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp theo dõi sát tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ kịp thời nông sản, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Phối hợp với Bộ Công thương theo dõi, điều hành cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu đảm bảo cung ứng đủ hàng hóa cho nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào những tháng cuối năm, đặc biệt dịp Tết Nguyên đán;

Tiếp tục theo dõi tình hình xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam. Đánh giá các thị trường xuất khẩu nông sản lớn và các thị trường xuất khẩu tiềm năng trong thời gian tới xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu xuất khẩu cho các ngành hàng năm 2019; xây dựng kế hoạch XTTM năm 2019; tiếp tục tìm kiếm các thị trường mới cho các mặt hàng nông sản của Việt Nam;

Tiếp tục tổng hợp các thông báo và cảnh báo từ các đối tác thương mại và các nước thành viên WTO, phối hợp với các đơn vị liên quan trong mạng lưới để phản hồi các góp ý đối với dự thảo biện pháp SPS mới của Việt Nam đã thông báo với WTO; chuẩn bị nội dung và tham dự Phiên đàm phán lần thứ 17 Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và khối EFTA tại Hà Nội;

Tổ chức Đoàn công tác của Bộ đi Bắc Kinh làm việc với ĐSQ Việt Nam tại Trung Quốc và các cơ quan chức năng của Trung Quốc về nông nghiệp và PTNT; Tổ chức công bố Lô gạo Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia Gạo Việt Nam tại Festival lúa gạo; Phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao tổ chức Diễn đàn kết nối cung cầu nông sản thực phẩm chất lượng cao tại TP. Hồ Chí Minh; Tổ chức Diễn đàn tăng cường hợp tác và trao đổi thương mại nông nghiệp Việt Nam-Belarus.

2.7. Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các biện pháp đảm bảo ATTP, trọng tâm là nhóm sản phẩm tươi sống, đối tượng sản xuất kinh doanh, giết mổ nhỏ lẻ việc quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hoá chất, kháng sinh trong sản xuất nông, thủy sản...

Tiếp tục tổ chức kiểm tra, phân loại, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản theo quy định tại Thông tư

45/2014/TT-BNNPTNT; vận động cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ ký cam kết tuân thủ quy định ATTP theo Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT;

Đôn đốc các địa phương tiếp tục xây dựng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc thông qua bao gói, ghi nhãn, dán tem truy xuất điện tử. Tập huấn về xác nhận sản phẩm chuỗi, quảng bá và truy xuất sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho cán bộ cơ quan quản lý ở địa phương;

Tiếp tục xử lý, tháo gỡ vướng mắc của thị trường xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng nông lâm thủy sản; tổ chức đánh giá, chỉ định, giám sát cơ sở kiểm nghiệm ATTP theo quy định.

2.8. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Phấn đấu có thêm 30 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tập trung nâng cao chất lượng từng tiêu chí xây dựng NTM.

Tiếp tục hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả giai đoạn 2017- 2020 (theo Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018);

Tiếp tục phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính hoàn thiện phương án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sử dụng 10% dự phòng vốn NSTW trung hạn giai đoạn 2016-2020 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Hoàn thiện và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020”; hoạch củng cố và phát triển các hợp tác xã tại các tỉnh chỉ đạo điềm trong Chương trình triển khai OCOP năm 2019; hoàn thiện báo cáo đánh giá giữa kỳ chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2016-2020; tiếp tục xây dựng dự thảo Đề án “Phát triển hệ thống trung tâm cung ứng nông sản Việt Nam hiện đại giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2030”;

Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Dự án; thống nhất nội dung Biên bản chuyển giao và tổ chức chuyển giao Dự án Muối Quán Thẻ từ Bộ Nông nghiệp và PTNT sang UBND tỉnh Ninh Thuận quản lý;

Tiếp tục tổ chức phát động cuộc thi báo chí viết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn dành cho các nhà báo ASEAN năm 2018 với chủ đề “Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững”; Phối hợp chuẩn bị tổ chức các Hội thảo về “Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”; Hội nghị toàn quốc chuyên đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong việc thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW; Hội nghị bàn về giải pháp bố trí, ổn định dân di cư tự do do Thủ tướng Chính phủ chủ trì.

2.9. Đầu tư xây dựng cơ bản

Khối lượng thực hiện giải ngân vốn đầu tư công còn lại của tháng 12 là rất lớn, các đơn vị cần phải tập trung, quyết liệt chỉ đạo tốt các giải pháp đã đề ra; chủ động rà soát lại kế hoạch tổng thể từng dự án để làm cơ sở đôn đốc thực hiện

hoàn thành kế hoạch năm 2018, tạo tiền đề hoàn thành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Đối với các dự án có vốn kế hoạch năm 2017 kéo dài sang năm 2018, tập trung đẩy nhanh tối đa tiến độ thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch, tuyệt đối không được để mất vốn kế hoạch năm 2017 kéo dài;

Đối với các dự án đang triển khai thực hiện, cần rà soát, đôn đốc tiến độ thực hiện từng dự án cụ thể; tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền; tổ chức họp giao ban theo chuyên đề để có giải pháp cụ thể cho từng nhóm công việc; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị có liên quan đến thực hiện kế hoạch đầu tư công; đồng thời, tổ chức kiểm điểm tiến độ giải ngân của các dự án đã đăng ký kế hoạch giải ngân; rà soát điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 linh hoạt, kịp thời; đảm bảo tiến độ thực hiện của các dự án;

Đối với những dự án có nội dung đền bù giải phóng mặt bằng, các chủ đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với các địa phương, đồng thời chủ động cử người tham gia trong quá trình triển khai, chủ đầu tư phải là khâu nối giữa Bộ và Tỉnh; Tổ chức các cuộc họp giao ban theo chuyên đề (có sự tham dự của lãnh đạo các địa phương) về thực hiện hợp phần GPMB để chia sẻ kinh nghiệm;

Đối với các dự án mở mới năm 2019, cần rà soát đầu tư theo chiến lược tổng thể của Ngành, tránh đầu tư nhỏ lẻ, dàn trải, chú ý xem xét rà soát kỹ khâu chuẩn bị đầu tư, năng lực các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư và công tác phối hợp chỉ đạo thực hiện dự án;

2.10. Các nhiệm vụ khác

- **Tổ chức cán bộ:** Tiếp tục tổng hợp Đề án, phương án về kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế, nâng cao hiệu quả hoạt động ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ; triển khai chương trình hành động thực hiện nghị quyết Trung ương 7 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; rà soát sửa đổi quy chế quản lý đào tạo; Tiếp tục phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với các chức danh không thuộc Bộ quản lý.

- **Kế hoạch, tài chính:** Tiếp tục rà soát, báo cáo, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 linh hoạt, kịp thời; đảm bảo tiến độ thực hiện của các dự án; chuẩn bị kịp thời báo cáo, giải trình ý kiến của các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Tài chính Ngân sách Quốc hội ... về các nội dung có liên quan đến đề xuất bổ sung vốn đầu tư công cho Bộ từ nguồn dự phòng; tổng hợp quyết toán hoàn thành các dự án; tiếp tục rà tổng hợp cơ sở dữ liệu về đất đai tại các đơn vị trực thuộc Bộ;

- **Hợp tác quốc tế:** tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương, đa phương; chuẩn bị nội dung để Lãnh đạo Bộ làm việc tại Trung Quốc, Lào, tiếp đoàn Nghị viện Châu Âu sang thăm và làm việc về FLEGT và các phiên họp của các Ủy ban liên Chính phủ; theo dõi, hỗ trợ, quản lý việc triển khai các dự án ODA của Bộ và tiến hành công tác giám sát, kiểm tra thực địa việc thực hiện dự án tại một số địa phương.

- **Về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:** Tiếp tục đẩy nhanh việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch, nhất là các văn bản hướng dẫn Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.

- **Về công tác cải cách hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy:** Thủ trưởng các đơn vị tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính nhà nước để tạo điều kiện để thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng và chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW để kiện toàn tổ chức bộ máy và đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của đơn vị.

- **Về thực hiện nhiệm vụ Bộ giao:** Thủ trưởng các đơn vị quan tâm chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại các văn bản và chỉ đạo việc báo cáo, cập nhật kết quả thực hiện trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ. Thủ trưởng các đơn vị quan tâm chỉ đạo việc xử lý các văn bản A, B đảm bảo tiến độ, chất lượng; hoàn thành nhiệm vụ trong các thông báo kết luận của Lãnh đạo Bộ và các nhiệm vụ đột xuất được giao; cập nhật kết quả thực hiện trên Văn phòng điện tử dùng chung của Bộ theo quy định./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (TH, NN);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Sở NN&PTNT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công đoàn ngành NN&PTNT;
- Đảng ủy cơ quan Bộ;
- Công đoàn cơ quan Bộ;
- VP (TT, TH);
- Lưu: VT, VP (15).

Website:
www.omard.gov.vn



